



HỌC TẬP VÀ TRẢI NGHIỆM THÚ VỊ TẠI CAO ĐẲNG GEORGE BROWN

discover.georgebrown.ca



EduCanada™
A world of possibilities
Un monde de possibilités

6 LÝ DO NÊN HỌC TẬP TẠI TRƯỜNG CAO ĐẲNG GEORGE BROWN

1

Học tập giữa trung tâm thành phố Toronto

2

Giảng viên có kinh nghiệm trong ngành

3

Học tập thông qua thực hành

4

Có được kinh nghiệm thực tế

5

Chương trình học được đúc kết từ thực tế ngành nghề

6

Hợp tác với các đối tác trong ngành



91%

nhà tuyển dụng hài lòng khi tuyển sinh viên tốt nghiệp của George Brown College làm việc¹

171

chương trình học toàn thời gian²

98%

các chương trình học³ của George Brown tập trung vào hướng nghiệp bao gồm ít nhất một cơ hội vừa học vừa làm lấy kinh nghiệm³

31,557

sinh viên toàn thời gian⁴

27%

sinh viên quốc tế⁵

1 Nguồn: Key Performance Indicators, Bộ Đào tạo, các trường Cao đẳng, Đại học, ngày 19/11/2018

3 Không bao gồm các chương trình dự bị và nâng cấp; Nguồn: Văn phòng kế hoạch và báo cáo ghi danh của Cao đẳng George Brown

2,4,5 Nguồn: Viện nghiên cứu của Cao đẳng George Brown College

NHỮNG ĐIỀU BẠN CẦN BIẾT

QUY TRÌNH NỘ ĐƠN

Nhiều chương trình sẽ đầy chỗ nhanh chóng, vì thế chúng tôi đặc biệt khuyến nghị sinh viên nộp đơn sớm nhất khi có thể.

QUY TRÌNH NỘ ĐƠN			
	THÁNG 9 - 2020	THÁNG 1 - 2021	THÁNG 5 - 2021
Ngày bắt đầu nhận hồ sơ đăng ký	Dec. 16, 2019	April 6, 2020	Aug. 3, 2020
Ngày bắt đầu xét hồ sơ và cấp thư mời	Jan. 27, 2020	June 22, 2020	Oct. 19, 2020
Ngày học đầu tiên	Sept. 8, 2020	Jan. 11, 2021	May 10, 2021

CÁC YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH

georgebrown.ca/internationaladmissions

CÁC YÊU CẦU VỀ TRÌNH ĐỘ TIẾNG ANH			
	CAO ĐẲNG/ CHỨNG CHỈ	SAU ĐẠI HỌC	CỬ NHÂN
IELTS (học thuật) (giá trị trong 2 năm)	6.0 overall Minimum 5.5 in each skill band	6.5 overall Minimum 6.0 in each skill band	6.5 overall Minimum 6.0 in each skill band
TOEFL [giá trị trong 2 năm]	80 overall Minimum 20 in each skill band	88 overall Minimum 22 in each skill band	84 overall Minimum 21 in each skill band
PTE (học thuật) [giá trị trong 2 năm]	54 overall Minimum 50 in each skill band	60 overall Minimum 55 in each skill band	60 overall Minimum 55 in each skill band
GBC English for Academic Purposes (EAP) Program	Cấp độ 8	Cấp độ 9	Cấp độ 9

Bạn cũng có thể đáp ứng yêu cầu trình độ tiếng Anh của chúng tôi bằng cách hoàn thành các cấp độ ESL thích hợp tại một trong các trung tâm tiếng Anh đối tác của chúng tôi. Để biết thêm thông tin, vui lòng xem: georgebrown.ca/international/partnerships.

HỌC BỔNG

Để biết thông tin về học bổng dành cho sinh viên quốc tế đang học tại trường, vui lòng truy cập:

georgebrown.ca/internationalscholarships.

CÁC YÊU CẦU VỀ TÀI CHÍNH THEO ƯỚC TÍNH

Các chi phí trên dành cho năm học 2020 – 2021 và có thể thay đổi mà không cần thông báo.

CHI PHÍ MỖI NĂM HỌC	
Sách và Vật dụng	Khoảng \$1.000 – \$1.200 mỗi năm
Chi phí Sinh hoạt	\$12.000 – \$15.000 mỗi năm
Đi lại	\$1.500 mỗi năm
Chi phí Phát sinh	\$2.000 mỗi năm
Bảo hiểm Y tế	\$650 mỗi năm
Chi phí Tài liệu	Khoảng \$200 mỗi năm
TỔNG (KHÔNG BAO GỒM HỌC PHÍ)	ƯỚC TÍNH \$17.350 – \$20.550 CAD MỖI NĂM

HỌC PHÍ

HỌC PHÍ	
CHƯƠNG TRÌNH	SỐ TIỀN
Anh ngữ học thuật	\$2.825 mỗi kỳ 8 tuần
Cao đẳng/ Chứng chỉ	\$14.330 cho 2 học kỳ \$21.495 cho 3 học kỳ
Chứng chỉ sau đại học	\$14.600 cho 2 học kỳ \$21.900 cho 3 học kỳ
Cử nhân	\$17.160 cho 2 học kỳ

Các phí được tính bằng đô la Canada

Lưu ý: Các phí liệt kê áp dụng cho năm học 2020-21

Lưu ý: một số chương trình chuyên ngành có học phí cao hơn sẽ được xác định trong Bảng kê các Khoản phí Ước tính và các hóa đơn của Trường và sẽ được liệt kê trên trang web của Trường: georgebrown.ca/internationaltuition.

Tất cả các phí có thể thay đổi, mà không thông báo trước. trong trường hợp rút đơn học, hãy xem xét chi tiết chính sách rút đơn xin học trên trang web của trường, georgebrown.ca/internationalaccepted. Sinh viên có thể đóng học phí theo từng học kỳ hoặc cả năm. Sinh viên được yêu cầu đóng học phí tối thiểu là 1 học kỳ.



CHƯƠNG TRÌNH ANH NGỮ HỌC THUẬT

LỊCH KHAI GIẢNG CÁC KHÓA TIẾNG ANH HỌC THUẬT

NĂM HỌC 2020-2021		
KIỂM TRA XẾP LỚP	KIỂM TRA XẾP LỚP	KIỂM TRA XẾP LỚP
Aug. 26, 2020	Aug. 31, 2020	Oct. 23, 2020
Oct. 20, 2020	Oct. 26, 2020	Dec. 18, 2020
Jan. 5, 2021	Jan. 11, 2021	March 5, 2021
March 2, 2021	March 8, 2021	April 30, 2021
May 4, 2021	May 10, 2021	July 2, 2021
June 29, 2021	July 5, 2021	Aug. 27, 2021
NĂM HỌC 2021 - 2022		
KIỂM TRA XẾP LỚP	KIỂM TRA XẾP LỚP	KIỂM TRA XẾP LỚP
Aug. 31, 2021	Sept. 7, 2021	Oct. 29, 2021
Oct. 26, 2021	Nov. 1, 2021	Dec. 22, 2021
Jan. 5, 2022	Jan. 10, 2022	March 4, 2022
March 1, 2022	March 7, 2022	April 29, 2022
May 3, 2022	May 9, 2022	June 30, 2022
June 28, 2022	July 4, 2022	Aug. 26, 2022

Để đăng ký chương trình Anh ngữ học thuật tại George Brown College, vui lòng truy cập trang web: applynow.georgebrown.ca.

CHẤP NHẬN CÓ ĐIỀU KIỆN THÔNG QUA CHƯƠNG TRÌNH ANH NGỮ HỌC THUẬT

Ứng viên đến từ các quốc gia được phép xét tuyển theo diện này mà không đáp ứng yêu cầu tiếng Anh của George Brown có thể được cấp 1 thư mời học có điều kiện cho chương trình sau trung học thông qua chương trình EAP.

Bạn có thể được cấp 1 thư chấp nhận nhập học có điều kiện cho chương trình cao đẳng/cử nhân/sau đại học.

CHI PHÍ VÀ CÁC PHÍ LIÊN QUAN (2020/21)

(Subject to change for 2020 – 2021)

CHI PHÍ VÀ CÁC PHÍ LIÊN QUAN (2020/21)	
Học phí	\$2,825.00 (mỗi kỳ 8 tuần)
Chi phí bổ sung cho tài liệu, Hội Sinh viên, V.V.	\$199.96 (mỗi kỳ 8 tuần)
Đóng học phí một lần trong kỳ đầu tiên (Thẻ ID Sinh Viên, Cູy sinh viên)	\$81.24 (một lần, kỳ đầu tiên)
Bảo hiểm Y tế	\$88.50 (mỗi kỳ 8 tuần)
TỔNG (SINH VIÊN ESL MỚI)	\$3,194.00

KIỂM TRA XẾP LỚP TIẾNG ANH

Chương trình EAP gồm 9 cấp độ, mỗi cấp độ kéo dài 8 tuần. Các ứng viên đã có chứng chỉ TOEFL hoặc IELTS (Học thuật, có giá trị trong 2 năm) có thể đăng ký trực tiếp vào một cấp độ EAP dựa trên mức điểm hiện tại. Các sinh viên không có những chứng chỉ này phải làm bài kiểm tra xếp lớp vào tuần trước khi chương trình bắt đầu để xác định cấp độ bắt đầu.

KIỂM TRA XẾP LỚP TIẾNG ANH					
TRÌNH ĐỘ BẮT ĐẦU EAP*	IELTS: YÊU CẦU ĐẦU VÀO		TOEFL: YÊU CẦU ĐẦU VÀO		
	TỔNG	VIẾT & NÓI	TỔNG	NÓI	VIẾT
9	6	6.5	80 – 91	22	22
8	5.5	6	62 – 79	20	20
7	5.5	5.5	50 – 61	18	18
6	5.0	5	40 – 49	15	14
5	4.0 – 4.5	4.5	31 – 39	13	12
4	3.5	4	26 – 30	11	8
3	3	3.5	19 – 25	8	6
2	2.5	3	10 – 18	5	4
1	2.5	2.5	0 – 9	2.5	2.5

*Bạn sẽ được xếp lớp ở cấp độ tiếng Anh học thuật tương ứng với số điểm thấp nhất trong: điểm tổng (overall), viết (writing) và nói (speaking) của IELTS của bạn. Các thông tin trong bảng trên có thể thay đổi theo đánh giá định kỳ. Xin vui lòng kiểm tra trang web của chúng tôi cho các phiên bản cập nhật.

georgebrown.ca/international/esl/admissions.

ANH NGỮ HỌC THUẬT

Chương trình Anh ngữ của George Brown là chương trình toàn thời gian, được chia thành 9 cấp độ với 8 tuần cho mỗi cấp độ. Kỹ năng ngôn ngữ của bạn sẽ được đánh giá dựa trên điểm IELTS/ TOEFL, và bạn sẽ được xếp vào trình độ tương ứng.



IELTS

Đối với các sinh viên quan tâm đến việc tham dự kỳ thi IELTS tại Toronto, Trung tâm Khảo thí kỳ thi IELTS chính thức trường George Brown College cung cấp dịch vụ thi IELTS hoàn chỉnh. Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập: georgebrown.ca/ielts.



LEGEND

- CL Casa Loma Campus
- RU Ryerson University
- SJ St. James Campus
(includes Financial Services)
- YC Young Centre for the Performing Arts
- W Waterfront Campus
- D Daniels Building
- R George Brown College Residence


Yonge - University Subway


Bloor - Danforth Subway



CHƯƠNG TRÌNH HỌC

Trường cao đẳng George Brown cung cấp nhiều chương trình và lộ trình học tập nhằm đáp ứng nhu cầu học tập khác nhau của sinh viên.

George Brown College liên tục phấn đấu để cải tiến chương trình học và phương pháp giảng dạy. Các thông tin trong tài liệu này có thể được điều chỉnh mà không cần thông báo. Không nên xem các thông tin này là đại diện cho nhà trường, thư mời hay sự bảo đảm nhập học. Sinh viên có trách nhiệm xác minh các yêu cầu tuyển sinh, tốt nghiệp và các khoản phí của trường George Brown cũng như bất kỳ yêu cầu nào từ các tổ chức bên ngoài, các hiệp hội chuyên ngành, hoặc các cơ quan cấp bằng cấp bổ sung trong thời gian học hoặc sau khi hoàn thành chương trình tại trường cao đẳng George Brown.

[georgebrown.ca/
internationalprograms](http://georgebrown.ca/internationalprograms)

Anh ngữ học thuật (EAP)

- Chương trình học toàn thời gian được chia thành 9 cấp độ, mỗi cấp độ kéo dài trong 8 tuần nhằm trang bị kỹ năng tiếng Anh phục vụ cho việc học tập cao hơn.

Cao đẳng/Chứng chỉ

- Thời gian 1 – 3 năm, có chú trọng đến kỹ năng thực hành đối với một ngành cụ thể.
- Mở rộng văn bằng hoặc liên thông lên một chương trình cử nhân hoặc sau đại học.
- Nhiều chương trình cung cấp các cơ hội làm việc lấy kinh nghiệm thực tế.

Chương trình sau đại học

- Các chương trình chuyên ngành 8 – 12 tháng.
- Dành cho sinh viên đã tốt nghiệp chương trình đại học hoặc cao đẳng.

Chương trình cử nhân

- Các chương trình 4 năm kết hợp học tập lý thuyết với các cơ hội thực hành thực tế.
- Tất cả các chương trình cử nhân đều kết hợp các cơ hội có được kinh nghiệm làm việc.

Chuyển tiếp Đại học

- Văn bằng của Trường Cao đẳng George Brown là tấm hộ chiếu để học liên thông tại nhiều trường đại học.
- Để biết thêm thông tin, vui lòng xem Hướng dẫn chuyển tiếp: georgebrown.ca/transferguide.



PROGRAMS

BUSINESS

CODE	PROGRAM NAME	PROGRAM LENGTH	CERTIFICATION	STARTING MONTH	SPECIAL ADMISSION REQUIREMENTS
DIPLOMA/CERTIFICATE					
B125	Business	2 years	Diploma	Sept., Jan.	□
B103	Business – Accounting	2 years	Diploma	Sept., Jan.	□
B145/B155	Business Administration [B155: + 2 semesters work experience]	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
B107/B157	Business Administration – Accounting [B157: + 2 semesters work experience]	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
B130/B150	Business Administration – Finance [B150: + 2 semesters work experience]	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
B144/B154	Business Administration – Human Resources [B154: + 2 semesters work experience]	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
B131/B161	Business Administration – International Business [B161: + 2 semesters work experience]	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
B108/B158	Business Administration – Marketing [B158: + 2 semesters work experience]	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
B126/B156	Business Administration – Project Management [B156: + 2 semesters work experience]	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
B122/B162	Business Administration – Supply Chain and Operations Management [B162: + 2 semesters work experience]	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
B133	Business – Finance	2 years	Diploma	Sept., Jan.	□
B134	Business – Human Resources	2 years	Diploma	Sept., Jan.	□
B120	Business – Marketing	2 years	Diploma	Sept., Jan.	□
A146	Pre-Business	1 year	Certificate	Sept., Jan.	
DEGREE					
B302	Honours Bachelor of Commerce (Financial Services) [includes 1 co-op work term]	4 years	Bachelor's Degree	Sept., Jan.	□
POSTGRADUATE					
B412	Analytics for Business Decision Making	1 year	Graduate Certificate	Sept., Jan.	□
B413	Digital Media Marketing	1 year	Graduate Certificate	Sept, Jan, May	
B414	Consulting	1 year	Graduate Certificate	Sept., Jan.	► □
B416	Entrepreneurship Management	1 year	Graduate Certificate	Sept., Jan.	□
B407	Financial Planning	1 year	Graduate Certificate	Sept., Jan.	□
B408	Human Resources Management [includes 1 semester work experience]	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan., May	□
B411	International Business Management	1 year	Graduate Certificate	Sept., Jan., May	□
B406	Marketing Management – Financial Services [includes 1 semester work experience]	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan.	□
B415	Project Management	1 year	Graduate Certificate	Sept., Jan., May	□
B400	Sport and Event Marketing [includes 1 semester work experience]	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan., May	□
B409	Strategic Relationship Marketing [includes 1 semester work experience]	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan.	□

Special Admission Requirements

*3 semesters ♦ Questionnaire ▲ Portfolio ▼ Interview ► Resumé ◀ Information Session ■ Letter of intent □ Check our website for other requirements

HOSPITALITY AND CULINARY ARTS

CODE	PROGRAM NAME	PROGRAM LENGTH	CERTIFICATION	STARTING MONTH	SPECIAL ADMISSION REQUIREMENTS
DIPLOMA/CERTIFICATE					
H113	Baking and Pastry Arts Management	2 years	Diploma	Sept., May	□
H108	Baking – Pre-Employment	1 year	Certificate	January	□
H100	Culinary Management	2 years	Diploma	Sept., Jan., May	□
H116	Culinary Management (Integrated Learning)	2 years	Diploma	Sept., Jan., May	□
H119	Culinary Management – Nutrition	2 years	Diploma	Sept.	□
H134	Culinary Skills	1 year	Certificate	Sept., Jan., May	□
H132	Food and Beverage Management – Restaurant Management	2 years	Diploma	Sept., Jan., May	□
H133	Hospitality – Hotel Operations Management	2 years	Diploma	Sept., Jan., May	□
H101	Hospitality Services (Pre-Hospitality)	1 year	Certificate	Sept.	□
H131	Special Event Management	2 years	Diploma	Sept., Jan., May	□
H130	Tourism and Hospitality Management	2 years	Diploma	Sept., Jan., May	□
DEGREE					
H311	Honours Bachelor of Business Administration (Hospitality) [includes 2 co-op work terms]	4 years	Bachelor's Degree	Sept.	□
H315	Honours Bachelor of Commerce (Culinary Management)	4 years	Bachelor's Degree	Sept.	□
H316	Honours Bachelor of Commerce (Culinary Management) (Bridging)	5 semesters	Bachelor's Degree	May	□
POSTGRADUATE					
H413	Advanced French Patisserie	3 semesters	Graduate Certificate	May	□
H414	Advanced Wine and Beverage Business Management	3 semesters	Graduate Certificate	Sept.	□
H411	Culinary Arts – Italian	3 semesters	Graduate Certificate	May	□
H402	Food and Nutrition Management	1 year	Graduate Certificate	Sept.	▼ ► □

HEALTH SCIENCES

CODE	PROGRAM NAME	PROGRAM LENGTH	CERTIFICATION	STARTING MONTH	SPECIAL ADMISSION REQUIREMENTS
DIPLOMA/CERTIFICATE					
C146	Behavioural Science Technician	2 years	Diploma	Sept.	□
C156	Behavioural Science Technician (Accelerated)	1 year*	Diploma	Sept.	□
S113	Dental Assisting (Levels I and II)	1 year	Certificate	Sept.	□
S134	Dental Hygiene	3 years	Advanced Diploma	Sept.	□
S115	Dental Office Administration	1 year	Certificate	Sept.	□
S100	Dental Technology	3 years	Advanced Diploma	Sept.	□
S101	Denturism	3 years	Advanced Diploma	Sept.	□
S125	Fitness and Health Promotion	2 years	Diploma	Sept.	□
C139	Health Information Management	2 years	Diploma	Sept.	□
S117	Hearing Instrument Specialist	3 years	Advanced Diploma	Sept.	□
S135	Office Administration – Health Services	2 years	Diploma	Sept., Jan.	□
A109	Pre-Health Sciences Pathway to Certificates and Diplomas	1 year	Certificate	Sept., Jan., May	
C152	Recreation Management in Gerontology	2 years	Diploma	Sept.	□
DEGREE					
S302	Honours Bachelor of Behaviour Analysis	4 years	Bachelor's Degree	Sept.	□
POSTGRADUATE					
C405	Autism and Behavioural Science	1 year	Graduate Certificate	Sept., Jan.	□
T402	Health Informatics	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan.	► □

Special Admission Requirements

*3 semesters ♦ Questionnaire ▲ Portfolio ▼ Interview ► Résumé ◀ Information Session ■ Letter of intent □ Check our website for other requirements

COMMUNITY SERVICES AND EARLY CHILDHOOD

CODE	PROGRAM NAME	PROGRAM LENGTH	CERTIFICATION	STARTING MONTH	SPECIAL ADMISSION REQUIREMENTS
DIPLOMA/CERTIFICATE					
C114	American Sign Language and Deaf Studies	1 year	Certificate	Sept.	◆
C137	Assaulted Women's and Children's Counsellor/Advocate	2 years	Diploma	Sept.	◆ ◀
C133	Child and Youth Care	3 years	Advanced Diploma	Sept.	□
C143	Child and Youth Care (Fast-Track)	16 months	Advanced Diploma	Jan.	□
C101	Community Worker	2 years	Diploma	Sept.	□
C131	Community Worker (Fast-Track)	3 semesters	Diploma	May	□
C100	Early Childhood Education	2 years	Diploma	Sept., Jan.	◀ □
C130	Early Childhood Education (Fast-Track)	10 months	Diploma	Sept.	◆ ▼ ◀ □
C160	Early Childhood Education (Accelerated)	16 months	Diploma	Sept.	◀ □
C108	Intervenor for Deafblind Persons	2 years	Diploma	Sept.	□
A103	Pre-Community Services	1 year	Certificate	Sept., Jan.	□
C119	Social Service Worker	2 years	Diploma	Sept.	□
C135	Social Service Worker (Fast-Track)	3 semesters	Diploma	May	□
DEGREE					
C118	Early Childhood Education Program (Consecutive Diploma / Ryerson University Degree)	4 years	Diploma / Bachelor's Degree	Sept.	◀ □
C148	Early Childhood Education Program (Consecutive Diploma / George Brown College Degree)	4 years	Diploma / Bachelor's Degree	Sept.	◀ □
C301	Honours Bachelor of Early Childhood Leadership (Fast-Track)	2 years	Bachelor's Degree	Sept.	◀ □
C302	Honours Bachelor of Interpretation (American Sign Language – English) [plus 1 internship experience term]	4 years	Bachelor's Degree	Sept.	◆ ▼ ◀ □
POSTGRADUATE					
C406	Career Development Practitioner	1 year*	Graduate Certificate	Sept.	□
PREPARATORY AND LIBERAL STUDIES					
CODE	PROGRAM NAME	PROGRAM LENGTH	CERTIFICATION	STARTING MONTH	SPECIAL ADMISSION REQUIREMENTS
DIPLOMA/CERTIFICATE					
R104	General Arts and Science – One-Year	1 year	Certificate	Sept., Jan.	
R101	General Arts and Science – Two-Year	2 years	Diploma	Sept., Jan.	
POSTGRADUATE					
R403	College Teachers Training for Internationally Educated Professionals	2 semesters	Graduate Certificate	Sept.	▼ ▶ □

Special Admission Requirements

*3 semesters ◆ Questionnaire ▲ Portfolio ▼ Interview ▶ Résumé ◀ Information Session ■ Letter of intent □ Check our website for other requirements

CONSTRUCTION AND ENGINEERING TECHNOLOGIES

CODE	PROGRAM NAME	PROGRAM LENGTH	CERTIFICATION	STARTING MONTH	SPECIAL ADMISSION REQUIREMENTS
DIPLOMA/CERTIFICATE					
T132	Architectural Technician	2 years	Diploma	Sept., Jan.	
T109	Architectural Technology	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	
T148	Building Renovation Technology	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	
T180	Carpentry and Renovation Technician	2 years	Diploma	Sept., Jan.	
T164	Civil Engineering Technology	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	
T161	Construction Engineering Technician	2 years	Diploma	Sept., Jan.	
T105	Construction Engineering Technology	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	
T176	Construction Techniques	1 year*	Certificate	Sept., Jan., May	
T167	Electrical Techniques	1 year	Certificate	May	
T146	Electromechanical Engineering Technician	2 years	Diploma	Sept., Jan.	
T171	Electromechanical Engineering Technology – Building Automation	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	
T160	Heating, Refrigeration, and Air Conditioning Technician	2 years	Diploma	Sept., Jan.	
T162	Heating, Refrigeration, and Air Conditioning Technology	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	
T170	Interior Design Technology	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	
T121	Mechanical Engineering Technology – Design	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	
T173	Mechanical Technician – CNC and Precision Machining	2 years	Diploma	Sept., Jan.	
T165	Plumbing Techniques	1 year	Certificate	May	
T166	Welding Techniques	1 year	Certificate	Sept., May	
DEGREE					
T312	Honours Bachelor of Technology (Construction Management) [includes 1 field placement semester]	4 years	Bachelor's Degree	Sept.	□
POSTGRADUATE					
T412	Building Information Modeling Management	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan.	□
T403	Construction Management (for Internationally Educated Professionals)	1 year*	Graduate Certificate	Jan.	▼ ► □

Special Admission Requirements

*3 semesters ♦ Questionnaire ▲ Portfolio ▼ Interview ► Résumé ◀ Information Session ■ Letter of intent □ Check our website for other requirements

ARTS, DESIGN AND INFORMATION TECHNOLOGY

CODE	PROGRAM NAME	PROGRAM LENGTH	CERTIFICATION	STARTING MONTH	SPECIAL ADMISSION REQUIREMENTS
DIPLOMA/CERTIFICATE					
P107	Acting for Media	2 years	Diploma	Sept., Jan.	■ □
G108	Art and Design Foundation	1 year	Certificate	Sept., Jan.	□
P106	Commercial Dance	1 year*	Certificate	Sept.	▼ □
T177	Computer Programming and Analysis	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
T141	Computer Systems Technician	2 years	Diploma	Sept., Jan.	□
T147	Computer Systems Technology	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	□
P105	Dance Performance	2 years	Diploma	Sept.	▼ □
P101	Dance Performance Preparation	1 year	Certificate	Sept.	▼ □
F112	Fashion Business Industry	2 years	Diploma	Sept.	□
F102	Fashion Management	2 years	Diploma	Sept., Jan.	□
F113	Fashion Techniques and Design	2 years	Diploma	Sept., Jan.	□
G119	Game – Art	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	◆ ▲
T163	Game – Programming	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	◀
F105	Gemmology	1 year	Certificate	Sept.	□
G102	Graphic Design	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	◆ ▲ □
G113	Interaction Design	3 years	Advanced Diploma	Sept., Jan.	◆
F114	Jewellery Arts	3 years	Advanced Diploma	Sept.	□
F111	Jewellery Essentials	1 year	Certificate	Sept.	□
F110	Jewellery Methods	2 years	Diploma	Sept.	□
P111	Media Foundation	1 year	Certificate	Sept., Jan.	□
P104	Theatre Arts – Performance	3 years	Advanced Diploma	Sept.	▼ □
P108	Theatre Arts – Preparation	1 year	Certificate	Sept.	□
P112	Video Design and Production	2 years	Diploma	Sept., Jan.	▲
DEGREE					
G301	Honours Bachelor of Digital Experience Design [plus 1 co-op work term]	4 years	Bachelor's Degree	Sept.	◆ ▲ □
POSTGRADUATE					
F414	Apparel Technical Design	1 year*	Graduate Certificate	Sept.	□
T175	Blockchain Development	1 year*	GBC Certificate	Sept., Jan.	□
G407	Concept Art for Entertainment	1 year*	Graduate Certificate	Sept.	◆ ▲ ▼ ► □
T433	Cyber Security	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan.	► □
G401	Design Management	1 year	Graduate Certificate	Sept.	▲ ▼ ■ □
G405	Digital Design – Game Design	1 year*	Graduate Certificate	Sept.	◆ ▲ ▼ ► □
T402	Health Informatics	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan.	► □
T405	Information Systems Business Analysis	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan.	► □
G412	Interactive Media Management	1 year*	Graduate Certificate	Sept.	◆ ▲ ▼ □
G414	Interdisciplinary Design Strategy	1 year	Graduate Certificate	Sept.	◆ ▲ ▼ ► □
F412	International Fashion Management	1 year	Graduate Certificate	Sept.	□
T430	Mobile Application Development and Strategy	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan.	□
P400	Screenwriting and Narrative Design	1 year*	Graduate Certificate	Sept.	▼ ► □
P409	Sound Design and Production	1 year*	Graduate Certificate	Sept.	▲ ▼ □
F415	Sustainable Fashion Production	1 year*	Graduate Certificate	Sept.	□
P408	Visual Effects	1 year*	Graduate Certificate	Sept.	◆ ▲ ▼ ► □
T411	Wireless Networking	1 year*	Graduate Certificate	Sept., Jan.	□

Special Admission Requirements

*3 semesters ◆ Questionnaire ▲ Portfolio ▼ Interview ► Résumé ◀ Information Session ■ Letter of intent □ Check our website for other requirements

CÁCH NỘP ĐƠN

1

Tìm hiểu chương trình muốn chọn và Xác nhận tình trạng ghi danh hiện có:

georgebrown.ca/internationalprograms

- Đảm bảo chương trình ưa thích vẫn tiếp nhận đơn đăng ký trong ngày yêu cầu.
- Nhiều chương trình kín chỗ nhanh chóng, vì thế chúng tôi đặc biệt khuyến nghị các em nên nộp đơn sớm.

2

Đảm bảo các Yêu cầu Trình độ Học vấn Tối thiểu:

georgebrown.ca/internationaladmissions

3

Nộp đơn đăng ký học tại George Brown:

applynow.georgebrown.ca

- Hoàn thành mẫu đơn đăng ký trực tuyến của chúng tôi.
- Thanh toán lệ phí đăng ký \$95 CAD không hoàn lại.

4

Nhận Thư Chấp nhận (LoA)

- Nhận tất cả thông tin nhập học qua email.
- Chấp nhận thư mời nhập học của các em trước ngày hết hiệu lực được nêu trong thư LoA.
- Thanh toán học phí chậm nhất vào thời hạn đã nêu trên LoA.

5

Nộp đơn xin Giấy phép Du học

- Nộp đơn ngay khi các em nhận được LoA.
- Để biết thêm thông tin, vui lòng truy cập cic.gc.ca.



MORE INFORMATION

Contact the International Centre

200 King Street East (Main Floor),
Toronto, Ontario, Canada M5A 3W8

Apply online

applynow.georgebrown.ca

Submit an inquiry

Have a question? Connect with us at:
georgebrown.ca/internationalinquiry

 George Brown International

 @georgebrownintl

 georgebrowncollege

 @GBCollegeIntl



Canadian Bureau for
International Education

A member in good
standing of:

